

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2298 /ĐHQGHN-ĐT
V/v học cùng lúc hai CTĐT ngành
Kinh doanh Quốc tế dành cho đối
tượng sinh viên chính quy chương
trình đào tạo chuẩn của Khoa Luật.

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2017

Kính gửi: - Khoa Quốc tế, ĐHQGHN,
- Khoa Luật, ĐHQGHN.

Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) nhận được Công văn số 302/KQT-ĐT ngày 29/05/2017 của Khoa Quốc tế, ĐHQGHN về việc xin phê duyệt tổ chức học cùng lúc hai chương trình đào tạo ngành Kinh doanh Quốc tế dành cho sinh viên chính quy các ngành đào tạo (chương trình đào tạo chuẩn) của Khoa Luật, ĐHQGHN. Về việc này, ĐHQGHN có ý kiến như sau:

- Đồng ý để Khoa Quốc tế, ĐHQGHN triển khai tổ chức học cùng lúc hai chương trình đào tạo ngành Kinh doanh Quốc tế dành cho sinh viên chính quy các ngành đào tạo (chương trình đào tạo chuẩn) của Khoa Luật, ĐHQGHN (khung chương trình kèm theo công văn này).

- Khoa Quốc tế, ĐHQGHN chịu trách nhiệm phối hợp với Khoa Luật, ĐHQGHN tổ chức triển khai đào tạo theo đúng Quy chế đào tạo đại học ban hành theo Quyết định số 5115/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/12/2014. Đồng thời, Khoa Quốc tế, ĐHQGHN phối hợp chặt chẽ với Khoa Luật, ĐHQGHN trong công tác quản lý kết quả học tập của sinh viên, kế hoạch giảng dạy; đảm bảo chất lượng đào tạo và hoàn thành khóa học đúng thời gian quy định.

- Khoa Quốc tế, ĐHQGHN báo cáo ĐHQGHN về quy mô đào tạo, chỉ tiêu và kế hoạch tuyển sinh, điều kiện đảm bảo chất lượng theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội trước khi tổ chức đào tạo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc ĐHQGHN (để b/c);
- PGĐ Nguyễn Hồng Sơn (để b/c);
- Lưu: VT, Ban ĐT, NA10.

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG BAN ĐÀO TẠO



Nguyễn Đình Đức

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH: KINH DOANH QUỐC TẾ

MÃ SỐ: 52340120

Đối tượng: Sinh viên chính quy chương trình đào tạo chuẩn ngành Luật và ngành Luật kinh doanh của Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Kinh doanh quốc tế

+ Tiếng Anh: International Business

- Mã số ngành đào tạo: 52340120

- Danh hiệu tốt nghiệp: Cử nhân

- Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế

+ Tiếng Anh: The Degree of Bachelor in International Business

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

2. Mục tiêu đào tạo

- Mục tiêu chung:

Đào tạo những cử nhân với khi tốt nghiệp có kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết để phù hợp, có đủ năng lực tác nghiệp bằng tiếng Anh trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước

- Mục tiêu cụ thể:

Cung cấp kiến thức tổng quan về kinh doanh và kinh doanh quốc tế như: quản trị, kế toán, tài chính, marketing, quản trị nguồn nhân lực, chiến lược kinh doanh, và kiến thức chuyên sâu trong hoạt động kinh doanh quốc tế như: quản trị thương mại quốc tế, xuất nhập khẩu, quản trị cung ứng toán cầu, quản trị mạng lưới sản xuất toàn cầu, quản trị tài chính và đầu tư quốc tế, quản trị marketing quốc tế, quản trị chiến lược quốc tế và các kiến thức khác;

Đào tạo kiến thức ngành, kiến thức chuyên sâu và kỹ năng để có thể làm việc hiệu quả trong môi trường kinh doanh quốc tế;

Hình thành cho người học những kỹ năng nghề nghiệp cần thiết như: phân tích thị trường, ra quyết định, lập kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, điều khiển hành và quản lý những hoạt động kinh doanh trong môi trường quốc tế. Đồng thời cung cấp cho sinh viên những các kỹ năng bổ trợ quan trọng mà các tổ chức, doanh nghiệp đánh giá là quan trọng yêu cầu khi tuyển dụng nhân lực, bao gồm các kỹ năng: viết, giao tiếp và thuyết trình; tổ chức và quản lý công việc; sử dụng máy tính; tìm kiếm và tổng hợp tài liệu; tự học, tự nghiên cứu; làm việc độc lập và làm việc nhóm, lập kế hoạch và ra quyết định;

Cung cấp kiến thức, kỹ năng nền tảng phù hợp để có thể tiếp tục học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy kinh nghiệm để trở thành nhà lãnh đạo, quản trị, chuyên gia có năng lực cao trong lĩnh vực kinh doanh nói chung và kinh doanh quốc tế nói riêng.

3. Thông tin tuyển sinh:

- Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển.

- Đối tượng: Sinh viên hệ chính quy chương trình đào tạo chuẩn của Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội đáp ứng các điều kiện được quy định tại Khoản 1 Điều 24 Quy chế Đào tạo đại học tại ĐHQGHN được ban hành kèm theo Quyết định số 5115/QĐ-ĐHQG ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Giám đốc ĐHQGHN, có chứng chỉ tiếng Anh theo yêu cầu đầu vào của Khoa Quốc tế từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức và năng lực chuyên môn:

1.1. Về kiến thức:

Tốt nghiệp chương trình đào tạo, sinh viên có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực đào tạo; nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo; và có các kiến thức cụ thể theo các nhóm sau:

1.1.1. Kiến thức chung

- Hiểu và vận dụng được kiến thức và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, có nhân sinh quan, thế giới quan duy vật biện chứng, có giác ngộ chính trị và lập trường giai cấp vững vàng;

- Kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và giao tiếp ngoại ngữ đạt trình độ tương đương từ bậc 4/6 trở lên theo khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

1.1.2. Kiến thức theo lĩnh vực

- Có kiến thức tổng quan về kinh tế học vi mô – vĩ mô, luật kinh tế, phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh, các công cụ toán, thống kê và phương pháp nghiên cứu định lượng trong kinh tế;

- Hiểu được những kiến thức chuyên sâu về kinh doanh và kinh doanh quốc tế, về tổ chức và quản lý hoạt động kinh doanh quốc tế, về vai trò và ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế, văn hóa, xã hội và chính trị trong bối cảnh kinh doanh quốc tế và kiến thức chuyên sâu về một mảng hoạt động kinh doanh cụ thể (Tài chính, Kế toán, và Marketing).

1.1.3. Kiến thức theo khối ngành

- Hiểu và có khả năng vận dụng các học thuyết và quy luật kinh tế, cách thức vận hành của thị trường, vai trò và tác động của chính phủ đối với nền kinh tế để phân tích, ra quyết định kinh doanh, đầu tư;

- Hiểu được những vấn đề cơ bản, cốt lõi của luật pháp và đạo đức kinh doanh trong nước và quốc tế.

1.1.4. Kiến thức theo nhóm ngành

Có được kiến thức khoa học đặc thù của nhóm ngành kinh doanh như nguyên lý kế toán, quản trị tổ chức, chiến lược và marketing kinh doanh, quản trị nguồn nhân lực để vận dụng trong khi thực hiện các nghiệp vụ về kinh tế đối ngoại trong các doanh nghiệp Việt Nam cũng như các doanh nghiệp nước ngoài.

1.1.5. Kiến thức ngành

- Hiểu rõ và vận dụng hiệu quả các kiến thức ngành như quản trị thương mại quốc tế, chuỗi cung ứng toàn cầu, đầu tư và quản trị dự án quốc tế, đấu thầu, tài chính và quản trị rủi ro, kế toán quốc tế vào thực tế;

- Có khả năng phân tích, đánh giá và ra quyết định trong việc tổ chức và quản lý các hoạt động kinh doanh quốc tế; nắm và vận dụng được các kiến thức bổ trợ về phương pháp nghiên cứu, văn hóa kinh doanh, kinh tế đối ngoại Việt Nam, kinh tế các khu vực Châu Âu, Châu Á – Thái bình dương, các công ước và hiệp định thương mại quốc tế;

- Có kiến thức thực tiễn về mô hình tổ chức và hoạt động kinh doanh quốc tế; biết cách vận dụng các kiến thức được học trong chương trình vào thực tế hoạt động của

tổ chức, doanh nghiệp, am hiểu về kinh doanh trong môi trường đa văn hoá, quản trị công ty đa quốc gia.

1.2. Năng lực tự chủ và tinh thần trách nhiệm:

- Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kĩ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình; tinh thần trách nhiệm trong công việc.

2. Về kĩ năng

2.1. Kĩ năng chuyên môn

2.1.1. Các kĩ năng nghề nghiệp

- Có kĩ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lí thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau; có kĩ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực được đào tạo; có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lí những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền;

- Hình thành kĩ năng về kinh doanh nói chung và kinh doanh quốc tế nói riêng như: lập kế hoạch công việc, tổ chức sắp xếp công việc, và kiểm soát công việc hiệu quả; lập và quản lí ngân sách, tạo động lực và quản lí nhân viên; quản lí dự án; thiết kế và triển khai các chương trình marketing, truyền thông hiệu quả, chăm sóc đối tác; tác nghiệp trong môi trường quốc tế; và kĩ năng sử dụng tiếng Anh phục vụ công việc.

2.1.2. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề

- Có năng lực phân tích và nhận diện vấn đề; tìm kiếm và phân tích thông tin một cách khoa học để đưa ra các giải pháp, kiến nghị phù hợp giải quyết vấn đề;

- Có năng lực tư duy và lập luận logic, khoa học trong việc giải quyết các vấn đề chuyên môn nghiệp vụ.

2.1.3. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức

- Sinh viên có khả năng tự học, tự tìm tòi, nghiên cứu và khám phá kiến thức mới; có cách nhìn phản biện, phê phán với các kiến thức hiện tại;

- Có thể chủ động trong việc ứng dụng kiến thức mới, công nghệ mới vào công việc; khả năng thích ứng cao với môi trường hoạt động.

2.1.4. Khả năng tư duy theo hệ thống

- Có khả năng phân tích vấn đề một cách logic, có so sánh, đối chiếu với các vấn đề khác, các yếu tố khác của hệ thống;

- Có khả năng nhìn nhận vấn đề dưới nhiều góc độ khác nhau và phân tích vấn đề trong mối tương quan với các yếu tố khác trong hệ thống.

2.1.5. Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh

- Tận dụng được tiến bộ trong sự phát triển của nghề nghiệp trên thế giới.

- Nhận diện các yếu tố tác động từ bên ngoài để hiểu bối cảnh hoạt động;

- Đánh giá các tác động của các yếu tố đó đến cơ sở hoạt động và ngành nghề;

- Thích nghi với sự thay đổi của ngoại cảnh và chủ động trước những biến động của bối cảnh xã hội.

- Hiểu được ảnh hưởng của ngành nghề đến xã hội và các yêu cầu của xã hội về ngành nghề;

- Hiểu được các ràng buộc đến từ văn hóa dân tộc, bối cảnh lịch sử, các giá trị thời đại và bối cảnh toàn cầu đối với nghề nghiệp của mình.

2.1.6. Bối cảnh tổ chức

- Nắm được các kỹ năng phân tích, đánh giá tổ chức nơi mình làm việc trên các phương diện như văn hoá tổ chức, chiến lược phát triển của tổ chức, mục tiêu, kế hoạch của tổ chức, quan hệ giữa đơn vị với công việc đảm nhận để đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc và làm việc thành công trong đơn vị.

2.1.7. Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn

- Có khả năng vận dụng linh hoạt và phù hợp kiến thức, kỹ năng được đào tạo với thực tiễn nghề nghiệp, khả năng làm chủ khoa học kỹ thuật và công cụ lao động của nghề, khả năng phát hiện và quyết hợp lý các vấn đề trong nghề nghiệp.

2.1.8. Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp

- Có khả năng nghiên cứu, cải tiến hoặc phát minh sáng tạo trong hoạt động nghề nghiệp hoặc dẫn dắt các sự thay đổi đó, cập nhật và dự đoán xu thế phát triển ngành nghề và khả năng làm chủ khoa học kỹ thuật và công cụ lao động mới.

2.2. Kỹ năng hỗ trợ

2.2.1. Các kỹ năng cá nhân

- Thích ứng nhanh với sự thay đổi môi trường sống và làm việc. Có kỹ năng hội nhập và học tập suốt đời;
- Sắp xếp kế hoạch công việc khoa học và hợp lí, tự chủ trong công việc. Kỹ năng làm việc dưới áp lực thời gian và thời hạn hoàn thành công việc;
- Chủ động nhận diện, phân tích và thích ứng với sự phức tạp của thực tế;
- Có kỹ năng quan sát, phân tích được phẩm chất của đồng nghiệp để trao đổi, học hỏi.

2.2.2. Kỹ năng làm việc nhóm

- Biết lập mục tiêu hoạt động, phân công nhiệm vụ trong đơn vị, hướng dẫn hoạt động nhóm, tạo động lực cho từng cá nhân trong nhóm;
- Có khả năng kiểm soát và đánh giá hoạt động của nhóm;

2.2.3. Kỹ năng quản lí và lãnh đạo

- Có các kỹ năng cơ bản về quản lí và lãnh đạo như lập mục tiêu hoạt động, phân công nhiệm vụ trong đơn vị, hướng dẫn hoạt động, tạo động lực cho từng cá nhân, kiểm soát và đánh giá hoạt động của đơn vị;

2.2.4. Kỹ năng giao tiếp

- Sắp xếp được ý tưởng, nội dung giao tiếp;
- Giao tiếp được bằng văn bản, qua thư điện tử/các phương tiện truyền thông;
- Có kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp với các cá nhân và tổ chức để phục vụ tác nghiệp;
- Có kỹ năng đàm phán, thuyết phục trong quá trình thương thảo đạt được mục tiêu kinh doanh.

2.2.5. Kỹ năng giao tiếp sử dụng ngoại ngữ

- Kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành: Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các ý chính của một báo cáo hay bài phát biểu về các chủ đề quen thuộc trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lí các tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.

2.2.6. Các kỹ năng bổ trợ khác

Tin học và công nghệ thông tin: sử dụng thành thạo các phần mềm thông dụng (WORD, EXCEL, POWER POINT, SPSS...).

3. Về phẩm chất đạo đức

3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Sẵn sàng đương đầu với khó khăn;
- Kiên trì, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê sáng tạo;
- Cảm thông, chia sẻ với đồng nghiệp;
- Chính trực, tự tin, linh hoạt, phản biện, sáng tạo.

3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Công bằng, trung thực và trách nhiệm;
- Tác phong làm việc chuyên nghiệp, chủ động, độc lập;
- Có văn hóa ứng xử phù hợp với qui chuẩn đạo đức trong văn hóa kinh doanh.

3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Tuân thủ pháp luật và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước;
- Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc;
- Đấu tranh cho công bằng, dân chủ, văn minh của xã hội;

4. Những vị trí công tác sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Chuyên viên nghiên cứu, tham gia hoạch định chính sách kinh doanh tại các cơ quan quản lý nhà nước; chuyên viên thương mại tại các văn phòng đại diện thương mại của nước ngoài tại Việt Nam, cơ quan ngoại giao, cơ quan thương mại của Việt Nam ở nước ngoài;

- Chuyên viên quản lý phân phối, quản trị thương mại quốc tế, xuất nhập khẩu, quản trị kinh doanh quốc tế, quản trị đầu tư quốc tế, quản trị hậu cần kinh doanh quốc tế, quản lý bán hàng quốc tế, đại diện bán hàng quốc tế, chuyên viên marketing, tư vấn kinh doanh quốc tế, hay làm việc trong các ngân hàng quốc tế;

- Tham gia vào hoạt động giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu về lĩnh vực kinh doanh và kinh doanh quốc tế;

- Hoạch định, triển khai và quản lý các hoạt động kinh doanh độc lập của riêng mình.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự học tập về các vấn đề lí luận và thực tiễn có liên quan đến kinh doanh;

- Có thể theo học các khóa học đào tạo thạc sĩ trong các lĩnh vực về kinh doanh, thương mại, kinh tế đối ngoại tại các trường trong và ngoài nước, bằng ngôn ngữ tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo:	135 tín chỉ
- Khối kiến thức chung:	27 tín chỉ
<i>(Không tính các học phần GDTC, GDQP-AN và Kỹ năng bổ trợ)</i>	
- Khối kiến thức theo lĩnh vực:	10 tín chỉ
- Khối kiến thức theo khối ngành:	8 tín chỉ
- Khối kiến thức theo nhóm ngành:	29 tín chỉ
+ Các học phần bắt buộc:	25 tín chỉ
+ Các học phần tự chọn:	4/10 tín chỉ
- Khối kiến thức ngành:	61 tín chỉ
+ Các học phần bắt buộc:	26 tín chỉ
+ Các học phần tự chọn kiến thức ngành:	6/24 tín chỉ
+ Các học phần tự chọn kiến thức bổ trợ:	4/12 tín chỉ
+ Các nhóm học phần chuyên sâu lựa chọn:	15/45 tín chỉ
+ Thực tập và khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp:	10 tín chỉ

2. Số tín chỉ của chương trình đào tạo được bảo lưu, chuyển điểm và phải tích lũy:

- Số tín chỉ được bảo lưu, chuyển điểm:	27 tín chỉ
- Số tín chỉ phải tích lũy:	108 tín chỉ

3. Các học phần được bảo lưu, chuyển điểm:

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
<i>Các học phần bảo lưu cho sinh viên học ngành Luật và ngành Luật kinh doanh</i>							
I	Khối kiến thức chung (Không tính các học phần từ số 10 đến số 12)		13/27				
1	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 <i>Fundamental Principles of Marxism – Leninism 1</i>	2	24	6		
2	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1 <i>Fundamental Principles of Marxism – Leninism 2</i>	3	36	9		PHI1004
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh Ideology</i>	2	20	10		PHI1005
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam <i>The Revolutionary Line of the Communist Party of Vietnam</i>	3	42	3		POL1001
9	INT1004	Tin học cơ sở 2 <i>Introduction to Informatics 2</i>	3	17	28		
10		Giáo dục thể chất <i>Physical Education</i>	4				
11		Giáo dục quốc phòng–an ninh <i>National Defence Education</i>	8				
12		Kĩ năng bổ trợ <i>Soft Skills</i>	3				
III	Khối kiến thức theo khối ngành		8/8				

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
16	THL1057	Pháp luật đại cương <i>Introduction to Law</i>	2	24	6		
17	INE1050	Kinh tế vi mô <i>Microeconomics</i>	3	36	9		
18	INE1051	Kinh tế vĩ mô <i>Macroeconomics</i>	3	36	9		INE1050
IV	Khối kiến thức theo nhóm ngành		3/29				
IV.1	Các học phần bắt buộc		3/25				
23	INS2019	Tổ chức và quản trị kinh doanh <i>Business Organization and Management</i>	3	36	9		INE1050
IV.2	Các học phần tự chọn		0/10				
V	Khối kiến thức ngành		3/61				
V.1	Kiến thức ngành		3/32				
V.1.1	Các học phần bắt buộc		3/23				
38	INS3022	Luật kinh doanh quốc tế <i>International Business Law</i>	3	36	9		THL1057
V.1.2	Các học phần tự chọn		0/6				
	Tổng số tín chỉ được bảo lưu, chuyển điểm		27				

4. Các học phần phải tích lũy:

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung (Không tính các học phần từ số 10 đến số 12)		14/27				
5	INS1014	Tiếng Anh học thuật 1 <i>English for Academic Purposes 1</i>	4	30	30		
6	INS1015	Tiếng Anh học thuật 2 <i>English for Academic Purposes 2</i>	3	10	30	5	INS1014
7	INS1016	Tiếng Anh chuyên ngành 1 <i>English for Specific Purposes 1</i>	4	30	30		
8	INS1017	Tiếng Anh chuyên ngành 2 <i>English for Specific Purposes 2</i>	3	10	30	5	INS1016
II	Khối kiến thức theo lĩnh vực		10/10				
13	MAT1092	Toán cao cấp <i>Advanced Mathematics</i>	4	42	18		
14	MAT1004	Lí thuyết xác suất và thống kê toán <i>Theory of Probability and Mathematical Statistics</i>	3	30	15		MAT1092
15	MAT1005	Toán kinh tế <i>Mathematics for Economics</i>	3	30	15		MAT1092
III	Khối kiến thức theo khối ngành		0/8				
IV	Khối kiến thức theo nhóm ngành		26/29				

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
IV.1	Các học phần bắt buộc		22/25				
19	INS2009	Nguyên lý kế toán <i>Principles of Accounting</i>	4	36	24		INE1050
20	INS2109	Kế toán quản trị <i>Managerial Accounting</i>	3	30	15		INS2009
21	INS2003	Nguyên lý marketing <i>Principles of Marketing</i>	3	36	9		INE1050
22	INS2007	Quản trị tài chính <i>Financial Management</i>	3	30	15		INE1051
24	INS2025	Hệ thống thông tin trong tổ chức <i>Information Systems in Organizations</i>	3	45			INT1004
25	INS2023	Quản trị hoạt động <i>Operations Management</i>	3	36	9		INS2019
26	INS2024	Chiến lược tổ chức <i>Organizational Strategy</i>	3	36	9		INS2019
IV.2	Các học phần tự chọn		4/10				
	<i>Nhóm 1</i>		<i>2/6</i>				
27	INS2029	Giao tiếp trong kinh doanh <i>Business Communication</i>	2	9	21		INS1015
28	INS2030	Soạn thảo văn bản kinh doanh <i>Business Writing</i>	2	9	21		INS1017

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
29	INS2022	Môi trường xã hội, đạo đức, pháp lí trong kinh doanh <i>Legal, Ethical, Social Environment of Business</i>	2	27	3		THL1057
	<i>Nhóm 2</i>		2/4				
30	INS2005	Kinh tế quốc tế <i>International Economics</i>	2	27	3		INE1051
31	INS2026	Lí thuyết và chính sách thương mại quốc tế <i>International Trade Theory and Policy</i>	2	27	3		INE1051
V	Khối kiến thức ngành		58/61				
V.1	Kiến thức ngành		29/32				
<i>V.1.1</i>	<i>Các học phần bắt buộc</i>		<i>23/26</i>				
32	INS2021	Nhập môn kinh doanh quốc tế <i>Introduction to International Business</i>	3	36	9		INE1051
33	INS3019	Quản trị thương mại quốc tế <i>International Trade Management</i>	3	36	9		INS2021
34	INS3021	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu <i>Global Supply Chain Management</i>	3	36	9		INS2019
35	INS3032	Tài chính quốc tế <i>International Finance</i>	3	36	9		INS2007
36	INS3017	Kê toán quốc tế <i>International Accounting</i>	2	18	12		INS2009

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
37	INS3042	Marketing quốc tế <i>International Marketing</i>	3	30	15		INS2003
39	INS3023	Quản trị nguồn nhân lực quốc tế <i>International Human Resource Management</i>	3	36	9		INS2019
40	INS3027	Quản trị quốc tế <i>International Management</i>	3	36	9		INS2021
V.1.2	Các học phần tự chọn		6/24				
	<i>Nhóm 1</i>		<i>3/12</i>				
41	INE3002	Đầu tư quốc tế <i>International Investment</i>	3	36	9		INS3032
42	INE3009	Quản trị dự án quốc tế <i>International Project Management</i>	3	36	9		INS2021
43	INE3011	Đấu thầu quốc tế <i>International Bidding</i>	3	36	9		INS3022
44	INS3028	Quản trị rủi ro và bảo hiểm <i>Risk Management and Insurance</i>	3	36	9		INS2007
	<i>Nhóm 2</i>		<i>3/12</i>				
45	INS3024	Quản trị xuất nhập khẩu <i>Export-Import Management</i>	3	36	9		INS2021
46	INS3020	Nghiệp vụ ngoại thương <i>Foreign Trade Operations</i>	3	21	24		INS3019

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Li thuyết	Thực hành	Tự học	
47	INS3004	Thương mại điện tử <i>E-Commerce</i>	3	24	21		INT1004; INS2003
48	INS3026	Xúc tiến thương mại quốc tế <i>International Trade Promotion</i>	3	27	18		INS3019
V.2	Kiến thức bổ trợ		4/12				
49	MNS1052	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học <i>Research Methodology</i>	2	18	12		
50	BSA1055	Văn hoá kinh doanh <i>Business Culture</i>	2	24	6		
51	INS2028	Kinh tế đối ngoại Việt Nam <i>Vietnam's External Economics</i>	2	27	3		INE1051
52	INS2033	Các công ước và hiệp định thương mại quốc tế <i>International Trade Conventions and Treaties</i>	2	27	3		
53	INS2034	Kinh tế khu vực Châu Âu <i>Economy of EU Region</i>	2	27	3		INE1051
54	INS2035	Kinh tế khu vực Châu Á - Thái Bình Dương <i>Economy of Asia Pacific Region</i>	2	27	3		INE1051
V.3	Các nhóm học phần chuyên sâu lựa chọn		15/45				
V.3.1	Kế toán doanh nghiệp		15				
55	INS3001	Kế toán tài chính 1 <i>Financial Accounting 1</i>	3	30	15		INS2009

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
56	INS3002	Kế toán tài chính 2 <i>Financial Accounting 2</i>	4	40	20		INS3001
57	INS3006	Thực hành kế toán <i>Accounting Practice</i>	3		45		INS3002
58	INS3030	Phân tích báo cáo tài chính <i>Financial Report Analysis</i>	3	30	15		INS2109; INS2007
59	INS3010	Thuế <i>Taxation</i>	2	18	12		INS2009; INS2007
V.3.2	Tài chính		15				
60	INS3029	Thị trường và các thể chế tài chính <i>Financial Markets and Institutions</i>	4	45	15		INS2007
61	INS3010	Thuế <i>Taxation</i>	2	18	12		INS2009; INS2007
62	INS3007	Tài chính doanh nghiệp <i>Corporate Finance</i>	3	30	15		INS2007
63	INS3030	Phân tích báo cáo tài chính <i>Financial Report Analysis</i>	3	30	15		INS2109 INS2007
64	FIB3005	Đầu tư và quản lý danh mục đầu tư <i>Investment and Portfolio Management</i>	3	30	15		INS2007
V.3.3	Marketing		15				
65	BSA3012	Nghiên cứu marketing <i>Marketing Research</i>	3	27	18		INS2003

STT	Mã học phần	Học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
66	INS3038	Marketing Internet <i>Internet Marketing</i>	2	9	21		INT1004; INS2003
67	BSA3014	Marketing dịch vụ <i>Services Marketing</i>	3	27	18		INS2003
68	INS3040	Marketing tích hợp và truyền thông thương hiệu <i>Integrated Marketing and Brand Communication</i>	4	40	20		INS2003
69	INS3041	Chiến lược marketing <i>Marketing Strategy</i>	3	30	15		BSA3012
V.4	Thực tập và khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		10				
70	INS4001	Thực tập thực tế <i>Internship</i>	5		75		
71	INS4011	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>	5				
		<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>	5				
72	INS4002	Kinh doanh trong môi trường đa văn hoá <i>Business in Multicultural Environment</i>	2	21	9		
73	INS4003	Quản trị chiến lược quốc tế <i>International Strategic Management</i>	3	30	15		INS2024
	Tổng số tín chỉ phải tích lũy		108				

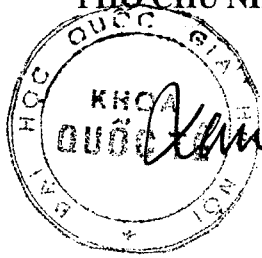
5. Các học phần tương đương trong chương trình đào tạo ngành Kinh doanh quốc tế của Khoa Quốc tế với chương trình đào tạo chuẩn ngành Luật và ngành Luật kinh doanh của Khoa Luật - ĐHQGHN.

STT	Mã học phần	Tên học phần trong chương trình đào tạo ngành Kinh doanh quốc tế, Khoa Quốc tế	Số tín chỉ	Mã học phần	Tên học phần trong các chương trình đào tạo chuẩn của Khoa Luật- ĐHQGHN	Số tín chỉ
1.	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin 1	2
2.	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin 2	3
3.	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
4.	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3
5.	INT1004	Tin học cơ sở 2	3	INT1004	Tin học cơ sở	3
6.		Giáo dục thể chất	4		Giáo dục thể chất	4
7.		Giáo dục quốc phòng-an ninh	8		Giáo dục quốc phòng-an ninh	8
8.		Kĩ năng mềm	3		Kĩ năng mềm	3
9.	THL1057	Pháp luật đại cương	2		Các học phần cơ sở và chuyên sâu về Luật	
10.	INE1050	Kinh tế vi mô	3	INE1050	Kinh tế vi mô (Sinh viên ngành Luật kinh doanh)	3
11.	INE1051	Kinh tế vĩ mô	3	INE1051	Kinh tế vĩ mô (Sinh viên ngành Luật kinh doanh)	3
12.	INS2019	Tổ chức và quản trị kinh doanh	3	BSA2004	Quản trị học (Sinh viên ngành Luật kinh doanh)	2
				BSA2021	Nguyên lý quản trị kinh doanh (Sinh viên ngành Luật kinh doanh)	2
				BSL2023	Quản trị công ty (Sinh viên ngành Luật kinh doanh)	2

13.	INS3022	Luật kinh doanh quốc tế	3	BSL2001	Luật thương mại 1	2
				BSL2002	Luật thương mại 2	2
				INL2004	Công pháp quốc tế	3
				INL2006	Tư pháp quốc tế	3
				INL2003	Luật thương mại quốc tế	2

KHOA QUỐC TẾ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

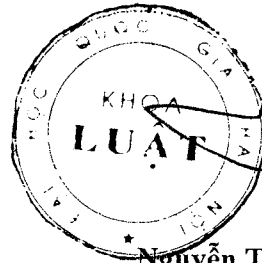
KT. CHỦ NHIỆM KHOA
PHÓ CHỦ NHIỆM



Trần Anh Hào

KHOA LUẬT, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

KT. CHỦ NHIỆM KHOA
PHÓ CHỦ NHIỆM



Nguyễn Thị Quế Anh